TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:36/2017/HNST
Ngày: 03/7/2017
Về việc: "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nhung;

Các Hội thẩm nhân dân : 1/Ông Nguyễn Thành Công;

2/Ông Trịnh Văn Út;

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Sa Rên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham dự phiên tòa: Ông Phan Văn Hiếu.

Ngày 03 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Càng Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 245/2017/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2017 về việc "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 263/2016/QĐST-HN ngày 16 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Chị Trần Thị Kim T, sinh năm 1990. Nơi ĐKHKTT: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Việt Tr, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 23/5/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Kim T trình bày: Hôn nhân là do hai bên tự tìm hiểu, quen biết và được sự đồng ý của hai gia đình anh, chị đi đến hôn nhân và tổ chức lễ cưới vào ngày 25/8/2013. Hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 16/8/2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh trên cơ sở tự nguyện. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Tr thường xuyên rượu chè về thì đập phá tài sản, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, chị đã nhiều lần nhờ chính quyền địa phương can thiệp nhưng anh Tr không sửa đổi dẫn đến phát sinh

mâu thuẫn vợ chồng, sự việc kéo dài không khắc phục được từ đó hai bên sống ly thân với nhau mỗi người mỗi nơi từ ngày 20/02/2017 cho đến nay.

Về con chung: có hai người gồm: Nguyễn Trần Minh N, sinh ngày 25/02/2014 và Nguyễn Ngọc Kỳ D, sinh ngày 26/11/2015, hiện đang sống với chị.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng.

Nay, về hôn nhân: chị xin được ly hôn. Về con chung: chị yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai người con và yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/người/tháng, cấp dưỡng cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về số nợ phải thu, phải trả: không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Việt Tr trình bày: Thống nhất với lời trình bày của chị T về thời điểm hai bên xác lập quan hệ hôn nhân, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Nay, về hôn nhân: anh đồng ý ly hôn; Về con chung: anh yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai người con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.Về nợ chung phải thu, phải trả: không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu về hôn nhân, về con chung và không có cung cấp chứng cứ mới.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh kết luận về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Về vấn đề thu thập chứng cứ, tiếp hành kiểm tra việc giao nhận, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu cũng như việc gửi, tống đạt các văn vản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng theo quy định của bộ Luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 28, 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118, 119 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ Tòa án. Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Trần Thị Kim T; Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Kim T với anh Nguyễn Việt Tr; Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Kim T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc 02 cháu Nguyễn Trần

Minh N, sinh ngày 25/02/2014 và Nguyễn Ngọc Kỳ D, sinh ngày 26/11/2015. Anh Nguyễn Việt Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng 1.000.000 đồng/người/tháng cho hai người con chung là cháu Nguyễn Trần Minh N và Nguyễn Ngọc Kỳ D cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Buộc đương sự phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về hôn nhân:** Chị Trần Thị Kim T và anh Nguyễn Việt Tr xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2013. Hôn nhân có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân giữa chị T và anh Tr là hợp pháp.

Quá trình chung sống luôn xảy ra mâu thuẫn, tính tình không hợp nhau, hai bên luôn xảy ra bất đồng về quan điểm sống từ đó dẫn đến phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, những mâu thuẫn vợ chồng được chị T, anh Tr thừa nhận. Nay, hai bên xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, chị T xin được ly hôn, anh Tr cũng đồng ý. Việc thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện có căn cứ phù hợp với điều 55 của luật Hôn nhân và gia đình năm nên Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị T với anh Tr.

[2] **Về con chung:** có hai người gồm: Nguyễn Trần Minh N, sinh ngày 25/02/2014 và Nguyễn Ngọc Kỳ D, sinh ngày 26/11/2015, hiện đang sống với chị. Chị T và anh Tr đều có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên.

Xét thấy, cháu Nguyễn Trần Minh N, sinh ngày 25/02/2014 đến nay mới hơn 03 tuổi và khi cháu hơn 01 tuổi thì bắt đầu sống với chị T cho đến nay, anh Tr không là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và hiện nay cháu đang đi học. Trong thời gian trước đây và hiện nay cháu N được đảm bảo tốt về mọi mặt trong cuộc sống. Xét thấy, điều kiện của cháu N hiện nay đã có cuộc sống ổn định, nếu thay đổi môi trường sống của cháu, giao cháu cho anh Tr chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ làm ảnh hưởng đến quá trình học tập và cuộc sống của cháu N hơn nữa cháu N còn quá nhỏ, giao cháu cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ đảm bảo hơn cho cháu về tất cả mọi mặt trong cuộc sống nên không thể giao cháu N cho anh Tr được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn.

Đối với cháu Nguyễn Ngọc Kỳ D, sinh ngày 26/11/2015, tính đến nay cháu chưa đủ 36 tháng tuổi căn cứ điều 81 của luật Hôn nhân và gia đình nên giao cháu Kỳ D cho chị T được chăm sóc, nuôi dưỡng con là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên có căn cứ giao hai cháu Nguyễn Trần Minh N và Nguyễn Ngọc Kỳ D cho chị Trần Thị Kim T chăm sóc, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn.

[3] **Về cấp dưỡng nuôi con:** Chị T có yêu cầu anh Tr cấp dưỡng để nuôi con, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho một người con. Xét thấy, điều kiện của chị T hiện nay đang làm công nhân có mức lương tương đối. Xét về điều kiện kinh tế của anh Tr hiện nay ổn định hơn chị T. Qua lời trình bày của anh Tr tại phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh thừa nhận mỗi tháng thu nhập trung bình là 20.000.000 đồng nên rất có điều kiện về kinh tế. Nên chị T yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho một người con là có căn cứ phù hợp với luật Hôn nhân gia đình quy định. Vì vậy, về cấp dưỡng nuôi con: Anh Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng cho một người con một tháng là 1.000.000 đồng, cấp dưỡng cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

[4] **Về tài sản chung:** Hai bên không đặt ra yêu cầu giải quyết về phần tài sản nên không xem xét.

[5] Về nợ chung phải thu, phải trả: Hai bên thừa nhận không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] **Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Chị T phải chịu án phí.

[7] **Về án phí cấp dưỡng nuôi con:** anh Tr phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83, 107, 116, 117, 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Xin ly hôn của chị Trần Thị Kim T.

[1] **Về quan hệ hôn nhân**: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Kim T với anh Nguyễn Việt Tr.

[2] **Về con chung**: Công nhận cho chị Trần Thị Kim T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng hai người gồm: Nguyễn Trần Minh N, sinh ngày 25/02/2014 và Nguyễn Ngọc Kỳ D, sinh ngày 26/11/2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[3] **Về cấp dưỡng nuôi con**: anh Tr cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/người/tháng, cấp dưỡng cho đến khi hai con là Nguyễn Trần Minh N và Nguyễn Ngọc Kỳ D tròn 18 tuổi.

[4] **Về tài sản chung:** Hai bên không đặt ra yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] **Nợ chung phải thu, phải trả:** Hai bên thừa nhận không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] **Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Chị Trần Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015 00010243 ngày 03/5/2017 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Chị T đã nộp đủ án phí.

[6] **Về án phí cấp dưỡng**: Buộc anh Tr phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm tuyên.

(*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND tỉnh, huyện;
-Chi cục Thi hành án;
-Các đương sự;
-Lưu HSVA.

Nguyễn Thị Kim Nhung